

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2022/DS - PT

Ngày: 19 - 12 - 2022

V/v: Tranh chấp thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc T1 gồm có:

T1 phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các T1 phán: Bà Vũ Thị Yên, ông Nguyễn Minh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Hương Sen - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phan Thị Thu Huyền
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc T1 công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2022/TLPT-DS ngày 05/10/2022 về “Tranh chấp thừa kế tài sản”. Do bản án dân sự sơ T1 số 14/2022/DS - ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc T1 số 34/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc T1 số 37/2022/QĐ-PT ngày 29/11/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1949

Địa chỉ: Số 25 đường A, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Anh Lò Việt C, sinh năm 1998; địa chỉ: Số 37, ngõ 10 đường N, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

Những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị O và ông Đỗ Xuân Đ – Luật sư Công ty Luật TNHH L, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1959

Địa chỉ: Số 02 đường P, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962

Địa chỉ: Tổ 11, phường C, quận L, thành phố Hà Nội.

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương.

4. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương.

5. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số 175 Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C1, bà N, bà T1, bà P: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ 11, phường C, quận L, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1988; địa chỉ: Căn hộ 2924 nhà R4, khu R, số 72A đường N, phường T, quận T, thành phố Hà Nội.

Người kháng cáo: Bà Đỗ Thị C là bị đơn và chị Nguyễn Thị Ánh N.

Tại phiên tòa có mặt bà C, ông C, bà O, chị Ngọc. Vắng mặt ông T (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án dân sự sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Nguyên đơn trình bày: Chồng bà là ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1935, chết năm 2017). Bố mẹ đẻ của ông Q là cụ L và cụ B đều đã chết trước ông Q. Ông Q không có bố mẹ nuôi. Trước khi kết hôn với bà (năm 1987), ông Q có vợ là bà Nguyễn Thị V. Ông Q và bà V có 07 người con chung là Nguyễn Thị C1, sinh năm 1959; Nguyễn Văn T, sinh năm 1962; Nguyễn Văn H, sinh năm 1965 (đã chết năm 1965); Nguyễn Thị N, sinh năm 1967; Nguyễn Thị T1, sinh năm 1970; Nguyễn Thị P, sinh năm 1973 và Nguyễn Thị H, sinh năm 1977 (đã chết năm 1983). Bà và ông Q có 01 con chung là Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1988. Ngoài ra, ông Q, bà V và ông Q với bà không còn con nuôi, con riêng nào khác. Ngày 07/3/2011, ông Q có viết bản di chúc có tiêu đề là “Bước ngoặt cuộc đời”. Tại văn bản này, ông Q kể chi tiết, tường tận về từng dấu mốc thời gian quan trọng của ông về công việc, gia đình và các con trong đó có nội dung về việc liệt kê và định đoạt khối tài sản được tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông Q như sau: (1) Ngôi nhà thờ ba gian và ngôi nhà 02 tầng nằm trên thửa đất tại thôn V, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương thì ông Q quyết định để lại cho em trai là ông Nguyễn Xuân B và ông T quản lý. Đây là đất thờ cúng, không được phép bán; (2) Nhà đất tại số 19, ngõ 108 B, quận T, thành phố Hà Nội thì ông Q quyết định để lại cho 04 người con. Trong đó, ông T được 50% giá trị và 03 con con gái gồm bà C1, bà Ngà và bà T1 mỗi người được phần như nhau trong 50% giá trị còn lại; (3) Nhà đất tại khu 11, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương thì vốn là tài sản của bà C có trước thời kỳ hôn nhân với ông Q, nên ông Q đã làm thủ tục tặng cho bà C; (4) Nhà đất tại số 25 đường A, khu 10, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương thì ông Q đã làm thủ tục tặng cho chị Ngọc là con chung giữa bà với ông Q. Đối với bà P thì ông Q không cho tài sản vì bà P bắt hiếu với ông. Đối với nhà đất tại số 24/72, ngõ 13, khu tập thể L, khu 4 phường B, thành phố H cùng các tài sản khác, được ông Q định đoạt ở phần cuối của bản di chúc có nội dung ghi rõ “*Còn các nhà khác, bán đi lo cho cuộc sống của tôi vợ con tôi. Sau này cho ai do vợ kế tôi quyết*”. Bà xác định nhà đất này là tài sản chung của bà và ông Q vì cuối năm 1994,

vợ chồng bà mua của bà Hà Thủy Ng. Ngày 04/3/1995. Ngày 15/01/1997, vợ chồng bà đã xây 01 ngôi nhà 03 tầng trên đất. Sau khi ông Q chết, bà làm thủ tục để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng các con chung của ông Q và bà Vực không đồng ý. Do vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận nhà đất nêu trên là tài sản chung của bà và ông Q; phân chia $\frac{1}{2}$ là tài sản riêng của bà; công nhận thực hiện bản di chúc ngày 07/3/2011 đối với nhà đất này là để lại $\frac{1}{2}$ nhà đất (phần của ông Q) cho bà.

Các bị đơn là bà C1, ông T, bà Ngà, bà T1, bà Phán trình bày: Về mối quan hệ giữ ông Q, bà V, các con chung của ông Q, bà V; thời gian chết của ông Q, bà V; mối quan hệ giữa ông Q, bà C, con chung của ông Q, bà C thống nhất như nguyên đơn trình bày nêu trên. Các ông bà không công nhận bản di chúc của ông Q lập ngày 07/3/2011 của ông Q. Trong văn bản trên, ông Q di chúc ghi rõ các tài sản và định đoạt cho ai. Còn đối với nhà đất tại số 24/72 ngõ 13, khu tập thể L thuộc khu 4, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương thì ông Q không nhắc đến. Nội dung của di chúc không rõ ràng, không đánh số trang. Đối với nội dung “*Còn các nhà khác bán đi lo cho cuộc sống của tôi vợ tôi con tôi. Sau này cho ai do vợ kể tôi quyết*”, bà C cho rằng là di chúc của ông Q định đoạt đối với tài sản nêu trên là không đúng. Ông bà xác định nhà đất này là tài sản chung của bà C và ông Q, đề nghị Tòa án chia di sản của ông Q là $\frac{1}{2}$ nhà đất này và đều xin được hưởng bằng tiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Ánh N trình bày: Về mối quan hệ giữ ông Q, bà V, các con chung của ông Q, bà V; thời gian chết của ông Q, bà V; mối quan hệ giữa ông Q, bà C, con chung của ông Q, bà C thống nhất như nguyên đơn trình bày nêu trên. Nhà đất tại số 24/72, ngõ 13, khu tập thể L thuộc khu 4, phường B, thành phố H là tài sản chung của bà C và ông Q. Trước khi chết ông Q có để lại di chúc ngày 07/3/2011. Do vậy, di sản thừa kế của bố chị là $\frac{1}{2}$ nhà đất trên. Theo di chúc thì ông Q đã để lại cho bà C nên chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C.

Phòng tài nguyên môi trường thành phố H cung cấp thông tin: Nguồn gốc thửa đất tại số 24/7/72, ngõ 13, khu tập thể L thuộc khu 4, phường B, thành phố H là do ông Q nhận chuyển nhượng của bà Hà Thị N theo biên bản bàn giao nhà đất có xác nhận của UBND xã B ngày 03/8/1995. Trước đó, thửa đất được bà Nguyễn mua thanh lý của Xí nghiệp lâm sản năm 1990. Năm 2004, thửa đất trên đã được đăng ký là thửa đất số 73, tờ bản đồ số 18, diện tích 99m². Ngày 25/7/2005, ông Q, bà C kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đồng loạt nhưng Nhà nước chưa có chủ trương cấp giấy chứng nhận. Thực hiện Quyết định số 3753/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng khu tập thể Lâm Sản, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương phục vụ cho việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các hộ gia đình trong khu tập thể Lâm Sản đã nhận chuyển nhượng nhà đất của Xí nghiệp Lâm sản. Ngày 02/4/2019, UBND phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương tổ chức việc xem xét hồ sơ và xác nhận nguồn gốc đất cho các hộ gia đình thuộc khu tập thể Lâm Sản, trong đó có hộ gia đình ông Q, bà C. Tuy nhiên, thửa đất của hộ gia đình bà C chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì

ông Q đã chết, gia đình chưa làm thủ tục khai nhận thừa kế.

Kết quả xem xét T1 định tại chỗ và định giá tài sản của Tòa án cấp sơ T1 thể hiện: Thửa đất số 73, tờ bản đồ số 18 tại số 24/72, ngõ 13, khu tập thể Lâm Sản, thuộc khu 4, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương có diện tích 98,2m² trị giá 1.966.000.000 đồng; nhà ở 03 tầng trị giá 426.459.400 đồng. Tổng giá trị nhà, đất là 2.390.459.400 đồng.

Tại bản án số 14/2022/DS-ST ngày 25/7//2022, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đã căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468, Điều 609, Điều 624, Điều 627, Điều 628, Điều 630, Điều 631, Điều 635, Điều 643, Điều 651, Điều 660, điểm b Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100, Điều 131, Điều 179 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà C. Công nhận nhà, đất tại số 24/72/ngõ 13, khu tập thể Lâm sản thuộc khu 4, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương là tài sản chung của ông Q và bà C. Bà C được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị khối tài sản trên = 1.195.229.700 đồng. Xác định di chúc ngày 17/3/2011 của Q không hợp pháp. Xác định bà C là người được hưởng di sản của ông Q chia theo pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C về yêu cầu được hưởng $\frac{1}{2}$ nhà, đất nêu trên. Về chia thừa kế: Xác nhận di sản của ông Q để lại trị giá 1.195.229.700 đồng chia cho 07 xuất thừa kế = 170.747.100 đồng. Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của ông Q gồm 07 người là bà C, bà C1, ông T, bà Ngà, bà T1, bà Phán và chị Ngọc, mỗi người được hưởng giá trị tài sản = 170.747.100 đồng. Về chia hiện vật: Giao cho bà C quản lý, sử dụng và sở hữu toàn bộ nhà đất nêu trên, tổng giá trị = 2.390.459.400 đồng (có sơ đồ kèm theo bản án). Bà C có trách nhiệm trả bà C1, ông T, bà Ngà, bà T1, bà Phán, chị Ngọc mỗi người 170.747.100 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí xem xét T1 định, chi phí định giá, án phí sơ T1, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 04/8/2022, bà C và chị Ngọc kháng cáo một phần bản án sơ T1, đề nghị Tòa án cấp phúc T1 công nhận, thực hiện bản di chúc viết ngày 07/3/2011 của ông Q đối với nhà, đất tại 24/13, ngách 74 khu tập thể Lâm Sản, khu 4, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương là để lại cho bà C $\frac{1}{2}$ nhà đất này.

Quá trình làm việc với Tòa án cấp phúc T1, bị đơn ông Nguyễn Văn T, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn khác là bà C1, bà Ngà, bà T1, bà Phán trình bày: Về mối quan hệ giữ ông Q, bà Vực, các con chung của ông Q, bà Vực; thời gian chết của ông Q, bà Vực; mối quan hệ giữa ông Q, bà C, con chung của ông Q, bà C đã được Tòa án cấp sơ T1 xác định trong bản án là đúng. Sau khi bà Vực chết thì năm 1987, bố ông kết hôn với bà C và chung sống với bà C đến khi chết, ngoài bà C thì không còn ai là vợ kế của bố ông. Ông xác toàn bộ chữ viết trong văn bản có tiêu đề là “Bước ngoặt cuộc đời”, gồm 14 tờ mà bà C đã giao nộp cho Tòa án cấp sơ T1 là chữ viết của ông Q, chữ ký ở trang cuối cũng là chữ ký của ông Q. Tài sản chung của bố ông và bà C gồm 05 nhà đất được nêu trong văn bản “Bước ngoặt

cuộc đời” trên và được nêu trong bản án sơ T1 là đúng. Ngoài 05 nhà đất trên, bố ông và bà C không còn nhà đất nào khác. 04 tài sản là nhà đất tại thôn V, xã Đ, huyện G; nhà đất tại số 19, ngõ 108 B, quận T, thành phố Hà Nội; nhà đất tại khu 11, phường B, thành phố H và nhà đất tại số 25A, thành phố H thời điểm tháng 3/2011 đã được đoạt, bố ông và bà C đã cho những người được hưởng như bản án sơ T1 đã nêu. 04 nhà đất này hiện nay không có tranh chấp, ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng đối với nhà đất tại khu tập thể L, phường B, thành phố H mà bà C đang khởi kiện thì bố ông chưa định đoạt cho ai, vì trong bản “Bước ngoặt cuộc đời” mà bà C cho rằng đó là di chúc của bố ông không hợp pháp như Tòa án cấp sơ T1 đã nhận định. Ông đề nghị Tòa án cấp phúc T1 không chấp nhận kháng cáo của bà C và chị Ngọc, giữ nguyên bản án sơ T1.

Tại phiên tòa phúc T1: Bà C và người đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Nếu kháng cáo được chấp nhận bà C tự nguyện chịu cả chi phí xem xét T1 định tại chỗ, không yêu cầu các bị đơn phải trả. Chị N giữ nguyên kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà C đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà C vì văn bản “Bước ngoặt cuộc đời” là di chúc hợp pháp của ông Q đảm bảo các quy định theo Điều 627, khoản 1 Điều 628, Điều 631, Điều 633 Bộ luật dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà C và chị Ngọc, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà C và chị N kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xác định là kháng cáo hợp lệ.

[1.2] Tại phiên tòa, vắng mặt ông T là bị đơn, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn khác gồm bà C1, bà N, bà T1, bà P. Tuy nhiên, ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào lời khai thống nhất của các đương sự và các tài liệu, chứng trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Ông Q và bà Vực là vợ chồng hợp pháp. Năm 1986, bà V chết. Năm 1987, ông Q kết hôn với bà C. Ông Q chết ngày 08/10/2017. Tại thời điểm mở thừa kế của ông Q, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Q gồm 07 người là bà C, bà C1, ông T, bà N, bà T1, bà P và chị N. Tài sản chung của ông Q và bà C gồm: Nhà đất tại thôn V, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương; nhà đất tại số 19, ngõ 108 B, quận T, thành phố Hà Nội; nhà đất tại khu 11 phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nhà đất tại số 25 đường A, khu 10, phường H, thành phố H và

nhà đất tại 24/72, ngõ 13, khu tập thể L, thuộc khu 4, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Ngày 07/3/2011, ông Q có lập bản di chúc với tiêu đề “Bước ngoặt cuộc đời”. Trong bản di chúc trên ông Q nêu nhiều nội dung trong đó có việc định đoạt khối tài sản trên. Trong vụ án này các đương sự chỉ tranh chấp đối với nhà đất tại số 24/72, ngõ 13, khu tập thể L, các nhà đất khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà C và chị N cho rằng trong bản di chúc trên, ông Q đã định đoạt cho bà C toàn quyền đối với nhà đất tại số 24/72, ngõ 13, khu tập thể L nêu trên. Tuy nhiên, các bị đơn đều xác định bản di chúc về nội dung này không hợp pháp.

[2.2] Xét kháng cáo của bà C và chị N, HĐXX thấy rằng: Văn bản có tiêu đề “Bước ngoặt cuộc đời” được các bên đương sự xác định đó là chữ viết của ông Q và được ông Q khẳng định ở trang thứ 27 văn bản này là di chúc của ông Q. Do vậy, có căn cứ xác định đây là di chúc không có người làm chứng của ông Q theo quy định tại Điều 633 Bộ luật dân sự. Bản di chúc dài và gồm nhiều trang, nhiều nội dung, trong đó có phần định đoạt về tài sản chung của ông Q và bà C. Do vậy, để biết được ý chí của ông Q đối với việc định đoạt tài sản cần xem xét và đánh giá văn bản này một cách tổng thể và toàn diện. Trong bản di chúc ông Q đã liệt kê 05 nhà đất nêu ở mục [2.1]. Trong đó, đã định đoạt 04 tài sản (trừ nhà đất tại số 24/72, ngõ 13 khu tập thể L) cho những người được hưởng. Các đương sự trong vụ án không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với 04 tài sản trên. Đối với nhà đất tại khu tập thể L mà bà C đang khởi kiện, các bị đơn cho rằng ông Q chưa định đoạt cho ai nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện cũng như kháng cáo của bà C, chị N. Tuy nhiên, các bị đơn đều xác định ngoài 05 nhà đất được ông Q nêu trong bản di chúc thì ông Q và bà C không còn nhà đất nào khác. 04 nhà đất trên đã được ông Q định đoạt cụ thể, nêu rõ tên của những người được hưởng và lý do không cho ai được hưởng. Ở cuối bản di chúc ông Q viết “*Còn các nhà khác bán đi lo cho cuộc sống của tôi vợ tôi con tôi. Sau này cho ai do vợ kế tôi quyết*”. Như nhận định ở trên, 04 nhà đất đã được ông Q định đoạt, không ai có tranh chấp gì đối với việc định đoạt này, còn duy nhất nhà đất ở khu tập thể Lâm sản. Nên, có căn cứ xác định đây là ý chí của ông Q đã định đoạt cho vợ kế (tức bà C) là người quyết định đồng nghĩa với việc được hưởng nhà đất này, quyết định là của bà C. Nhà đất này là tài sản chung của ông Q và bà C. Ông Q chỉ có quyền định đoạt đối với ½ nhà đất. Tuy nhiên trong bản di chúc ông Q lại định đoạt cả. Nhưng bản thân bà C là đồng sở hữu nhà đất này và cũng khởi kiện yêu cầu công nhận ½ là của mình nên di chúc của ông Q có hiệu lực pháp luật, không ảnh hưởng đến quyền lợi của bà C.

[4] Về chi phí xem xét T1 định tại chỗ: Tại phiên tòa phúc T1 bà C tự nguyện chịu cả không yêu cầu các bị đơn phải trả. Xét đây là sự tự nguyện của bà C nên cần được chấp nhận.

[5] Từ nhận định trên, HĐXX thấy rằng kháng cáo của bà C và chị Ngọc là có căn cứ chấp nhận, HĐXX sửa bản án sơ T1, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà C.

[6] Về án phí dân sự sơ T1: Bà C là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ T1.

[7] Về án phí dân sự phúc T1: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà C và chị Ngọc không phải chịu án phí phúc T1.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị C và chị Nguyễn Thị Ánh Ng. Sửa bản án dân sự sơ T1 số 14/2022/DS-ST ngày 25/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ Điều 148, Điều 157, Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 131, Điều 179 Luật đất đai; Điều 609, Điều 624, Điều 625, Điều 626, Điều 627, Điều 628, Điều 630, Điều 631, Điều 63, điểm b Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị C. Công nhận nhà, đất tại 24/72, ngõ 13 khu tập thể L (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 18, diện tích 98,2m²) là tài sản chung của ông Nguyễn Văn Q và bà Đỗ Thị C. Xác định ½ nhà đất trên là của bà Đỗ Thị C. ½ còn lại là di sản của ông Nguyễn Văn Q. Công nhận bản di chúc lập ngày 07/3/2011 của ông Nguyễn Văn Q đã định đoạt đối với nhà đất tại 24/72, ngõ 13 khu tập thể L là hợp pháp. Chia thừa kế của ông Nguyễn Văn Q theo di chúc. Bà C được hưởng ½ tài sản là nhà đất trên (là phần tài sản của ông Nguyễn Văn Q).

Bà C có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có T1 quyền để hợp pháp hóa đối với nhà đất này.

2. Về chi phí xem xét T1 định tại chỗ: Chấp nhận sự tự nguyện của bà C về việc chịu cả chi phí xem xét T1 định tại chỗ và định giá tài sản.

3. Về án phí dân sự sơ T1: Bà C được miễn án phí dân sự sơ T1.

4. Về án phí dân sự phúc T1: Bà C và chị Ngọc không phải chịu án án phí dân sự phúc T1. Trả lại bà C số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2021/0002106 ngày 21/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Trả lại chị Nguyễn Thị Ánh N số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2021/0001207 ngày 21/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

5. Các quyết định khác của bản án sơ T1 không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc T1 có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND thành phố Hải Dương;
- CC THADS thành phố Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC T1
T1 PHẦN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lâm